

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10/11/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nhỏ

2. Ông Trần Vi Tình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà YHLam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2021 chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống anh T chỉ biết ăn chơi và đánh đập chị H. Hiện tại chị H cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không thể kéo dài mối quan hệ vợ chồng, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 người con: Trần Nguyễn Uy L, sinh ngày 08/7/2014. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai 12/8/2021 anh T trình bày: Anh T đồng ý ly hôn với chị H. Anh T đồng ý để chị H nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

Tại bản tự khai 20/10/2021 cháu Trần Nguyễn Uy L trình bày: Nếu ba, mẹ ly hôn cháu ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị H khai: Về hôn nhân đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh T; Về con chị H đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung khai không có.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy CMND, 01 căn cước công dân của chị H; 01 giấy CMND của anh T; 01 sổ hộ khẩu; 01 giấy khai sinh của con; 02 bản tự khai của chị H và 01 bản tự khai của cháu L ngày 20/10/2021.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: 01 bản tự khai ngày 12/8/2021 của anh T.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: Biên bản xác minh ngày 19/8/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Thiện không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Giao con là cháu Trần Nguyễn Uy L, sinh ngày 08/7/2014, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng với các tài liệu chứng cứ được chủ tọa công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Quốc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh T tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án áp dụng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nhưng trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn anh T chỉ biết ăn chơi và đánh đập chị H. Hiện tại chị H cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không thể kéo dài mối quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

Đối với vụ án này mặc dù anh T có bản tự khai đồng ý ly hôn với chị H, nhưng anh T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các bên theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án mở phiên tòa để giải quyết ly hôn theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 người con là cháu Trần Nguyễn Uy L, hiện tại cháu L đang sống chung với chị H, sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H trình bày thu nhập bình quân 9.000.000đồng/tháng và cam đoan đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của cháu L muốn được sống với mẹ. Do đó, giao con là cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Trần Quốc T.

[2] Về con chung: Giao con là cháu Trần Nguyễn Uy L, sinh ngày 08/7/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trần Quốc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ của họ. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007016 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 10/11/2021. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình

